

NGHỊ QUYẾT

V/v: Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ và thành lập Ban kiểm toán nội bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định pháp luật có liên quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định về Kiểm toán nội bộ số: 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư ban hành quy chế mẫu về Kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp số: 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Camimex Group ngày 20/12/2021;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group số: 2505/2022/BB.HĐQT-CMG ngày 25/5/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này *Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Camimex Group*.

Điều 2. Thành lập Ban kiểm toán nội bộ Công ty trực thuộc Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Ông **Nguyễn Thành Tâm** làm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, với các thông tin cụ thể sau:

- Họ và tên: Nguyễn Thành Tâm ; Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 20/01/1980
- Số CCCD: 07908015354, ngày cấp: 11/04/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Đại học, chuyên ngành: Kế toán.

Chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ và Trưởng Ban kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế kiểm toán nội bộ và các quy định khác của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban trong Công ty, cổ đông và người lao động có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: HĐQT, VT.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Sĩ Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ
KIỂM TOÁN NỘI BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Mã số doanh nghiệp: 2000103908

Trụ sở: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cà Mau, ngày 25 tháng 5 năm 2022





MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

| | |
|---|----|
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh | 3 |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng | 3 |
| Điều 3. Giải thích từ ngữ | 3 |
| Điều 4. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ | 3 |
| Điều 5. Vị trí của kiểm toán nội bộ | 4 |
| Điều 6. Phạm vi của kiểm toán nội bộ | 4 |
| Điều 7. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ | 6 |
| Điều 8. Chuẩn mực chuyên môn | 6 |
| Điều 9. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ | 6 |
| Điều 10. Năng lực chuyên môn của kiểm toán nội bộ | 7 |
| Điều 11. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ | 8 |
| Điều 12. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ | 8 |
| Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán viên nội bộ | 9 |
| Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban kiểm toán nội bộ | 9 |
| Điều 15. Tính độc lập và khách quan của kiểm toán nội bộ | 10 |

Chương II HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

| | |
|---|----|
| Điều 16. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ | 11 |
| Điều 17. Kế hoạch kiểm toán nội bộ | 11 |
| Điều 18. Quy trình kiểm toán nội bộ | 11 |
| Điều 19. Báo cáo kiểm toán và kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán | 11 |
| Điều 20. Lưu trữ báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ | 13 |
| Điều 21. Đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ | 13 |

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

| | |
|--|----|
| Điều 22: Trách nhiệm của Hội đồng quản trị | 13 |
| Điều 23. Trách nhiệm của Ban kiểm soát | 14 |
| Điều 24. Trách nhiệm của Tổng giám đốc | 14 |
| Điều 25. Trách nhiệm của lãnh đạo các bộ phận/đơn vị trong Công ty | 14 |
| Điều 26. Trách nhiệm của các bộ phận/đơn vị được kiểm toán | 15 |

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

| | |
|---|----|
| Điều 27. Hiệu lực thi hành | 15 |
| Điều 28. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế | 15 |
| Điều 29. Tổ chức thực hiện | 15 |

QUY CHẾ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (Công ty Cổ phần Camimex Group)

(Ban hành theo Nghị quyết số: 2505/NQ.HĐQT-CMG.22 ngày 25/5/2022
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về mục tiêu, phạm vi hoạt động, vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của kiểm toán nội bộ tại Công ty Cổ phần Camimex Group (Sau đây gọi tắt là “**Công ty**”) và mối quan hệ với các bộ phận khác bao gồm cả phạm vi và cách thức cung cấp thông tin phục vụ kiểm toán; trong đó có các yêu cầu về tính độc lập, khách quan, các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về trình độ chuyên môn, việc đảm bảo chất lượng của kiểm toán nội bộ và các nội dung có liên quan khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho tất cả thành viên Ban kiểm toán nội bộ của Công ty và các tổ chức, cá nhân trong Công ty có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ trong phạm vi toàn Công ty bao gồm cả trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Kiểm toán nội bộ** là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ.
- Kiểm toán viên nội bộ** là người làm công tác kiểm toán nội bộ, thực hiện công việc kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Trưởng ban kiểm toán nội bộ** là Kiểm toán viên nội bộ, được Hội đồng quản trị giao phụ trách công tác kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Người có liên quan của Kiểm toán viên nội bộ** là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu.

Điều 4. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các kiến nghị về các nội dung sau đây:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Công ty;



2. Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của Công ty đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao;
3. Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà Công ty đạt được.

Điều 5. Vị trí của kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm toán nội bộ được thành lập và quản lý trực tiếp bởi Hội đồng quản trị.
2. Trưởng ban kiểm toán nội bộ sẽ báo cáo các vấn đề về chuyên môn cho Hội đồng quản trị; báo cáo công việc hành chính hàng ngày (ví dụ: thông báo lịch kiểm toán, các vấn đề về đi lại, công tác phí,...) trực tiếp cho Tổng giám đốc.
3. Trưởng ban kiểm toán nội bộ sẽ định kỳ báo cáo cho Hội đồng quản trị về mục đích, quyền hạn và trách nhiệm, cũng như hiệu suất của Ban kiểm toán nội bộ liên quan đến kế hoạch của Ban. Báo cáo cũng bao gồm các vấn đề rủi ro và kiểm soát đáng kể, rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.

Điều 6. Phạm vi của kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ bao gồm hoạt động đưa ra đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan được thiết kế nhằm tạo thêm giá trị và hoàn thiện các hoạt động của Công ty. Kiểm toán nội bộ giúp cho Công ty đạt được các mục tiêu của mình bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận có nguyên tắc và mang tính hệ thống nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, quy trình kiểm soát và quản trị.
2. Phạm vi kiểm toán nội bộ bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi trách nhiệm được giao và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu và mục đích của Công ty.
3. Phạm vi của kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - a) Đưa ra đảm bảo thông qua việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp Công ty đạt được các mục tiêu chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính:
 - i. Theo dõi và đánh giá các quy trình quản trị.
 - ii. Theo dõi và đánh giá hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro của Công ty.
 - iii. Đánh giá rủi ro liên quan đến việc đạt được các mục tiêu chiến lược của Công ty.
 - iv. Đánh giá các hệ thống được thiết lập để đảm bảo tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp, chế độ tài chính, kế toán và quy định có thể có tác động đáng kể đến Công ty.



- v. Kiểm tra và xác nhận chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị trước khi trình ký duyệt.
 - vi. Đánh giá các phương tiện bảo vệ tài sản và xác minh sự hiện hữu của các tài sản đó khi cần.
 - vii. Báo cáo các rủi ro đáng kể và các vấn đề kiểm soát bao gồm rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.
- b) Đưa ra các phân tích chuyên sâu và các kiến nghị dựa trên đánh giá dữ liệu và các quy trình của Công ty:
- i. Đánh giá độ tin cậy và tính toàn vẹn của hệ thống thông tin quản lý và các phương tiện được sử dụng để xác định, đo lường, phân loại và báo cáo thông tin đó.
 - ii. Phân tích các hoạt động hoặc chương trình để xác định kết quả có phù hợp với mục tiêu và mục đích đã thiết lập không.
 - iii. Đánh giá các hoạt động hoặc chương trình có được thực hiện theo kế hoạch không.
 - iv. Đánh giá hiệu quả và hiệu suất sử dụng các nguồn lực.
- c) Đưa ra các tư vấn, kiến nghị một cách độc lập, khách quan: Thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ phù hợp với Công ty.
- d) Thực hiện kiểm toán trước: Được thực hiện trước khi diễn ra việc thực hiện các dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán, nhằm đánh giá độ tin cậy của các thông tin, tài liệu, tính kinh tế, tính khả thi và hiệu quả của dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động; giúp các cấp quản lý có được những thông tin tin cậy để đưa ra các quyết định.
- e) Thực hiện kiểm toán đồng thời: Được thực hiện trong khi việc thực hiện các dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đang diễn ra, nhằm đánh giá tiến độ, chất lượng quá trình thực hiện hoạt động; phát hiện và kiến nghị kịp thời các biện pháp sửa chữa những sai lệch, thiếu sót, yếu kém trong quá trình thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động, nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu của dự án, kế hoạch của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
- f) Thực hiện kiểm toán sau: Được thực hiện sau khi việc thực hiện dự án, chương trình, kế hoạch hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán đã hoàn thành, nhằm thực hiện các nội dung, mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với hoạt động của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.





- g) Tư vấn cho Công ty trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
- h) Báo cáo định kỳ về mục đích, quyền hạn, trách nhiệm và hiệu suất của Ban kiểm toán nội bộ liên quan đến kế hoạch của Ban.
- i) Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.
- k) Tùy thuộc vào đối tượng kiểm toán, khi lập kế hoạch kiểm toán nội bộ có thể kết hợp cả kiểm toán trước, kiểm toán đồng thời và kiểm toán sau.

Điều 7. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ

1. Tính độc lập:
 - a) Kiểm toán viên nội bộ không được đồng thời đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ. Kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào trong khi thực hiện nhiệm vụ báo cáo và đánh giá.
 - b) Kiểm toán viên nội bộ không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các bộ phận/đơn vị mà Kiểm toán viên nội bộ đó chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận/đơn vị đó trong vòng 03 năm gần nhất.
 - c) Kiểm toán viên nội bộ không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các bộ phận/đơn vị mà người có liên quan của Kiểm toán viên nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận/đơn vị đó.
2. Tính khách quan: Kiểm toán viên nội bộ phải đảm bảo khách quan, chính xác, trung thực, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.
3. Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm toán nội bộ.

Điều 8. Chuẩn mực chuyên môn

1. Ban kiểm toán nội bộ phải tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm toán nội bộ, Chuẩn mực kiểm toán nội bộ và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố.
2. Ngoài ra, Ban kiểm toán nội bộ sẽ tuân thủ các chính sách và thủ tục liên quan của Công ty về kiểm toán nội bộ, bao gồm cả quy trình kiểm toán nội bộ đã được Công ty phê duyệt và ban hành.

Điều 9. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ

1. Tính chính trực: Kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện các công việc chuyên môn với sự trung thực, tinh thận trọng và tinh thần trách nhiệm; tuân thủ các quy định pháp luật và công bố các thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và yêu cầu chuyên môn của kiểm toán nội bộ; không tham gia các hoạt động phi pháp làm tổn hại đến uy tín của Công ty.





2. Tính khách quan: Kiểm toán viên nội bộ phải thể hiện mức độ cao nhất về tính khách quan chuyên môn trong việc thu thập, đánh giá và trao đổi thông tin về các hoạt động và quy trình được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ được đưa ra các đánh giá khách quan về tất cả các tình huống liên quan và không bị ảnh hưởng chi phối từ các lợi ích cá nhân hoặc từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các xét đoán và kết luận.
3. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Kiểm toán viên nội bộ áp dụng các kiến thức, các kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn trong công tác kiểm toán nội bộ. Đồng thời hành động một cách thận trọng, phù hợp với các chuẩn mực chuyên môn và kỹ thuật được áp dụng.
4. Tính bảo mật: Kiểm toán viên nội bộ phải tôn trọng các giá trị và quyền sở hữu của các thông tin được cung cấp và không tiết lộ các thông tin này nếu không được phép của các cấp có thẩm quyền trừ khi việc tiết lộ thông tin thuộc trách nhiệm chuyên môn hoặc theo yêu cầu của luật pháp.
5. Tư cách nghề nghiệp: Kiểm toán viên nội bộ phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan, tránh bất kỳ hành động nào làm giảm uy tín nghề nghiệp.
6. Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo Kiểm toán viên nội bộ tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ.

Điều 10. Năng lực chuyên môn của kiểm toán nội bộ

1. Trưởng ban kiểm toán nội bộ xem xét quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động kiểm toán cũng như công việc kiểm toán để trình Hội đồng quản trị quyết định nguồn lực cần thiết cho Ban kiểm toán nội bộ. Trưởng ban kiểm toán nội bộ thiết lập các tiêu chuẩn phù hợp để tuyển dụng Kiểm toán viên nội bộ.
2. Trưởng ban kiểm toán nội bộ cần phải có trình độ học vấn/chuyên môn liên quan và kinh nghiệm kiểm toán đầy đủ. Trưởng ban kiểm toán nội bộ cũng cần có kiến thức chuyên sâu về hoạt động kinh doanh và các kỹ năng liên quan khác.
3. Trưởng ban kiểm toán nội bộ cần đánh giá về kỹ năng và kiến thức của Ban kiểm toán nội bộ cho việc thực hiện kiểm toán quy trình một cách hiệu quả. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu sử dụng chuyên gia/tư vấn bên ngoài. Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải lập kế hoạch sử dụng chuyên gia/tư vấn bên ngoài báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt. Trưởng ban kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ liên quan đến kết quả của chuyên gia/tư vấn.
4. Trưởng ban kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán của Kiểm toán viên nội bộ. Trưởng ban kiểm toán nội bộ cần đảm bảo rằng các mục tiêu kiểm toán nêu trong kế hoạch kiểm toán được phê duyệt đã đạt được. Trưởng ban kiểm toán nội bộ nên thiết lập kế hoạch chi tiết hợp lý để hoàn thành mỗi cuộc kiểm toán (kể từ khi bắt đầu thực hiện đến khi ban hành báo cáo kiểm toán) sau khi xem xét tính chất và sự phức tạp của cuộc kiểm toán.



5. Kiểm toán viên nội bộ cần được đào tạo các kiến thức cần thiết để thực hiện công việc kiểm toán. Việc đào tạo cần được duy trì thường xuyên để tất cả các Kiểm toán viên nội bộ có thể theo kịp sự phát triển của ngành và nâng cao kỹ năng chuyên môn. Trưởng ban kiểm toán nội bộ cần đảm bảo rằng Kiểm toán viên nội bộ được đào tạo thông qua công việc phù hợp.

Điều 11. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ

1. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
2. Được trang bị nguồn lực cần thiết để thực hiện công việc theo kế hoạch được phê duyệt.
3. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ.
4. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ.
5. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
6. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
7. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty như: họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.
8. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có kiến nghị.
9. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
10. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho các Kiểm toán viên nội bộ.
11. Tất cả cán bộ, nhân viên và các cấp quản lý trong Công ty có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, giải trình và phối hợp đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ Ban kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình.

Điều 12. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ

1. Phải bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế của Công ty.
2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
3. Phải kịp thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán của các bộ phận/đơn vị thuộc, trực thuộc Công ty.



4. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho Kiểm toán viên nội bộ.
5. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán viên nội bộ

1. Trách nhiệm:

- a) Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- b) Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán;
- c) Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan;
- d) Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán;
- đ) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện;
- e) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- g) Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;
- h) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Quyền hạn:

- a) Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
- b) Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
- c) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công;
- d) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban kiểm toán nội bộ

1. Trách nhiệm:

- a) Quản lý và điều hành Ban kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định;
- b) Đảm bảo nhân sự của Ban kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ;
- c) Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ;



- d) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do Ban kiểm toán nội bộ thực hiện;
- e) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Quyền hạn:

- a) Đề xuất với Hội đồng quản trị ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ và các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán nội bộ;
- b) Được đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác của đơn vị; được đề xuất thuê chuyên gia, tư vấn để thiết lập Ban kiểm toán nội bộ, để tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;
- c) Dự các cuộc họp theo quy định nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật;
- d) Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;
- đ) Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;
- e) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán;
- g) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 15. Tính độc lập và khách quan của kiểm toán nội bộ

- 1. Ban kiểm toán nội bộ sẽ không bị can thiệp bởi bất kỳ yếu tố nào trong tổ chức, bao gồm các vấn đề về lựa chọn kiểm toán, phạm vi, thủ tục, tần suất, thời gian hoặc nội dung báo cáo để cho phép duy trì thái độ, tinh thần độc lập và khách quan cần thiết.
- 2. Kiểm toán viên nội bộ không có trách nhiệm hoặc quyền hạn hoạt động trực tiếp đối với bất kỳ hoạt động nào được kiểm toán. Theo đó, Kiểm toán viên nội bộ sẽ không thực hiện kiểm soát nội bộ, xây dựng quy trình, cài đặt hệ thống, chuẩn bị hồ sơ hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động nào khác có thể làm giảm xét đoán của Kiểm toán viên nội bộ.
- 3. Kiểm toán viên nội bộ sẽ thể hiện mức độ khách quan chuyên nghiệp cao nhất trong việc thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc quy trình được kiểm tra. Kiểm toán viên nội bộ sẽ đánh giá cân bằng tất cả các tình huống có liên quan và không bị ảnh hưởng bởi lợi ích của họ hoặc những người khác trong việc đưa ra các xét đoán.
- 4. Trưởng ban kiểm toán nội bộ hàng năm sẽ cam kết, xác nhận với Hội đồng quản trị về tính độc lập của tổ chức đối với Ban kiểm toán nội bộ.





Chương II

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 16. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ

Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán “định hướng theo rủi ro”, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các bộ phận/quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.

Điều 17. Kế hoạch kiểm toán nội bộ

1. Hàng năm, trước ngày 31 tháng 01, Ban kiểm toán nội bộ sẽ trình Hội đồng quản trị kế hoạch kiểm toán nội bộ để xem xét và phê duyệt.
2. Kế hoạch kiểm toán nội bộ sẽ bao gồm phạm vi kiểm toán, đối tượng kiểm toán, các mục tiêu kiểm toán, nội dung kiểm toán, niên độ kiểm toán, thời gian kiểm toán, lịch trình làm việc, cũng như các yêu cầu về ngân sách và nguồn lực cho năm tài chính/năm dương lịch tiếp theo.
3. Kế hoạch kiểm toán nội bộ sẽ được xây dựng dựa trên sự ưu tiên của kiểm toán bằng phương pháp định hướng theo rủi ro, có xem xét đến các ý kiến đóng góp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải đánh giá rủi ro toàn diện các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ, các đơn vị/bộ phận để lập kế hoạch kiểm toán nội bộ. Trưởng ban kiểm toán nội bộ sẽ xem xét và điều chỉnh kế hoạch nếu cần, để đáp ứng với những thay đổi trong kinh doanh, rủi ro, hoạt động, chương trình, hệ thống và kiểm soát của Công ty. Bất kỳ điều chỉnh đáng kể nào từ kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt sẽ được thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thông qua các báo cáo hoạt động định kỳ.
4. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm phải được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Trưởng ban kiểm toán nội bộ trình lên Hội đồng quản trị.
5. Kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được gửi cho Tổng giám đốc trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được phê duyệt.

Điều 18. Quy trình kiểm toán nội bộ

Trưởng ban kiểm toán nội bộ xây dựng quy trình kiểm toán nội bộ chi tiết phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty, tham vấn ý kiến của Tổng giám đốc trước khi trình Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 19. Báo cáo kiểm toán và kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm toán

1. Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ:
 - a) Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ do người phụ trách cuộc kiểm toán chịu trách nhiệm lập, trình Hội đồng quản trị trong thời hạn tối đa 15 ngày sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán. Báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của người phụ trách cuộc kiểm toán.



- b) Báo cáo kiểm toán phải trình bày rõ: nội dung kiểm toán, phạm vi kiểm toán; những đánh giá, kết luận về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này; các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm, kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm; đề xuất các biện pháp hợp lý hóa, cải tiến quy trình nghiệp vụ; hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro, cơ cấu tổ chức của Công ty (nếu có).
 - c) Báo cáo kiểm toán phải có ý kiến của ban lãnh đạo bộ phận/đơn vị được kiểm toán. Trong trường hợp bộ phận/đơn vị được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán nội bộ cần nêu rõ ý kiến không thống nhất của bộ phận/đơn vị được kiểm toán và lý do.
 - d) Báo cáo kiểm toán nội bộ sau khi hoàn thành được gửi cho Hội đồng quản trị và gửi đồng thời đến Tổng giám đốc, bộ phận/đơn vị được kiểm toán và các bộ phận có liên quan.
2. Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm:
- a) Muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải gửi báo cáo kiểm toán hàng năm cho Hội đồng quản trị và gửi đồng thời đến Tổng giám đốc.
 - b) Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm tối thiểu gồm các nội dung sau:
 - i. Kế hoạch kiểm toán đề ra; công việc kiểm toán đã được thực hiện;
 - ii. Tồn tại, sai phạm lớn được phát hiện; biện pháp mà kiểm toán nội bộ kiến nghị;
 - iii. Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến hoạt động được kiểm toán và đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
 - iv. Tình hình thực hiện các biện pháp, kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ;
 - v. Tự đánh giá về thành quả kiểm toán nội bộ đã đạt được và các hướng phát triển trong tương lai.
 - c) Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm phải có chữ ký của Trưởng ban kiểm toán nội bộ.
3. Báo cáo bất thường: Trường hợp phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc khi nhận thấy có nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty, Ban kiểm toán nội bộ phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và gửi đồng thời đến Tổng giám đốc. Báo cáo bất thường trong trường hợp có những vấn đề phát sinh trong năm tài chính gồm các nội dung:
- a) Những vấn đề rủi ro mà kiểm toán nội bộ quan tâm, chú ý;
 - b) Bộc lộ, phát sinh sự yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty hay tại một bộ phận;



- c) Những phát hiện nghiêm trọng cần có sự chỉ đạo xử lý, khắc phục của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d) Báo cáo bất thường trình bày các vấn đề phát sinh hoặc phát hiện cùng với những kiến nghị xử lý.
4. Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nội bộ:
- a) Kiểm tra, đánh giá thời gian, kết quả những công việc mà bộ phận/đơn vị được kiểm toán đã thực hiện theo kiến nghị của kiểm toán nội bộ.
 - b) Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ đối với bộ phận/đơn vị được kiểm toán cho Hội đồng Quản trị và gửi đồng thời đến Tổng giám đốc.

Điều 20. Lưu trữ báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ

1. Hồ sơ, tài liệu trong mỗi cuộc kiểm toán phải được ghi chép thành văn bản (giấy hoặc điện tử), lưu giữ theo trình tự để các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền khai thác và hiểu được các công việc, kết quả thực hiện trong báo cáo kiểm toán.
2. Các báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ phải được lưu giữ theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

Điều 21. Đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm toán nội bộ sẽ duy trì một chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng bao gồm tất cả các khía cạnh của Ban kiểm toán nội bộ.
2. Chương trình sẽ bao gồm đánh giá về tính tuân thủ của Ban kiểm toán nội bộ với các quy định và chuẩn mực kiểm toán nội bộ; đánh giá việc tuân thủ Quy tắc đạo đức của người làm công tác kiểm toán nội bộ. Chương trình cũng đánh giá hiệu quả và hiệu suất của Ban kiểm toán nội bộ và xác định các cơ hội để cải thiện.
3. Đánh giá lại hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện vào cuối cuộc kiểm toán và tự đánh giá lại hàng năm về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ do chính Ban kiểm toán nội bộ thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng của hoạt động kiểm toán nội bộ. Trong trường hợp cần thiết, có thể thuê doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện đánh giá độc lập bên ngoài.
4. Trưởng ban kiểm toán nội bộ sẽ báo cáo với Hội đồng quản trị về chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng của Ban kiểm toán nội bộ, bao gồm kết quả đánh giá nội bộ hàng năm và đánh giá bên ngoài (nếu có).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 22: Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.

AMI
GRO
1039
CA



2. Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro, báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm.
3. Phê duyệt ngân sách kiểm toán nội bộ và kế hoạch nguồn lực.
4. Nhận thông tin báo cáo từ Trưởng ban kiểm toán nội bộ về kết quả hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ liên quan đến kế hoạch của Ban và các vấn đề khác.
5. Quyết định thực hiện các yêu cầu thích hợp của Tổng giám đốc và Trưởng ban kiểm toán nội bộ để xác định xem có giới hạn nguồn lực hoặc phạm vi không phù hợp hay không.
6. Tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo Ban kiểm toán nội bộ thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định.
7. Quyết định, phê duyệt việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ; chỉ đạo các bộ phận thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ; có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

Điều 23. Trách nhiệm của Ban kiểm soát

Thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 24. Trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các bộ phận thực hiện phối hợp công tác với kiểm toán nội bộ theo quy định của Quy chế này.
2. Đôn đốc các bộ phận thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ban kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, thông báo cho Ban kiểm toán nội bộ tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ban kiểm toán nội bộ.
3. Đảm bảo Ban kiểm toán nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của Công ty nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm của lãnh đạo các bộ phận/đơn vị trong Công ty

1. Tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các bộ phận thực hiện phối hợp công tác với kiểm toán nội bộ theo quy định của Quy chế này.
2. Đôn đốc các bộ phận thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ban kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, thông báo cho Ban kiểm toán nội bộ tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ban kiểm toán nội bộ.
3. Đảm bảo Ban kiểm toán nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của bộ phận/đơn vị nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.

- Thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt; có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

Điều 26. Trách nhiệm của các bộ phận/đơn vị được kiểm toán

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban kiểm toán nội bộ một cách trung thực, chính xác, không được che giấu thông tin.
- Thông báo ngay cho Ban kiểm toán nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc nguy cơ thất thoát tài sản.
- Thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ban kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Ban kiểm toán nội bộ làm việc đạt hiệu quả cao nhất.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

- Trưởng ban kiểm toán nội bộ có trách nhiệm rà soát định kỳ Quy chế này và đề xuất các sửa đổi, bổ sung, thay thế cần thiết.
- Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm toán nội bộ và các tổ chức, cá nhân trong Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Sĩ Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Cà Mau, ngày 25 tháng 5 năm 2022
....., day month year

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- 1/ Họ và tên /Full name: Nguyễn Thành Tâm
- 2/ Giới tính/Sex: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 20/01/1980
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: Tp. Hồ Chí Minh
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):
Ngày cấp/Date of issue: 11/04/2021 Nơi cấp/Place of issue: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- 6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam
- 7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Số 5 đường Trương Minh Ký, Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- 9/ Số điện/Telephone number: 0908654334
- 10/ Địa chỉ email/Email: tamnt@camimex.com.vn
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Camimex Group
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Không
- 14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 0 , accounting for 0 % of charter capital, of which:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): 0 CP
+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 0 CP
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any):
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /List of affiliated persons of declarant:

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – **gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.**

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

| St t N o. | Mã CK Securities symbol | Họ tên Name | Tài kho ân gia o đ i c h ch ữ n g k h o ân (n é u c ó) Sec ur it ies t r a đ i n g a c c o u n t s (i f a v a i l a b l e) | Chức v u t a i c ô n g t y (n é u c ó) Pos it i o n a t t h e c o m p a n y (i f a v a i l a b l e) | Mối q u a n h ệ đ ối v ớ i n g u ờ i n ộ i b ộ R e l a t i o n s h i p w i t h t h e c o m p a n y / i n t e r n a l p e r s o n | Loại h ì n h G i á y N S H (*) (C M N D / P a s s p o r t / G i á y Đ K K D) T y p e o f d o c u m e n t s (I D / P a s s p o r t / B u s i n e s R e g i s t r a t i o n C e r t i f i c a t e) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày c á p Date o f i s s u e | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address l H e a d o f f i c e a d d r e s s | Số c ổ p h i ê u s ố h ữ c u ối k ỳ N u m b e r o f s h a r e s o w n e d a t t h e e n d o f t h e p e r i o d | Tỷ l ệ s ố h ữ u c ổ p h i ê u c u ối k ỳ P e r c e n t a g e o f s h a r e s o w n e d a t t h e e n d o f t h e p e r i o d | Thời đ i ể m b ắ t đ ầ u l à n g u ờ i c ó l i ê n q u a n c ủ a c ô n g t y/ n g u ờ i n ộ i b ộ T i m e t h e p e r s o n b e c a m e a n a f f i l i a t e d p e r s o n/ i n t e r n a l p e r s o n | Thời đ i ể m k h o n g c ò n l à n g u ờ i c ó l i ê n q u a n c ủ a c ô n g t y/ n g u ờ i n ộ i b ộ T i m e t h e p e r s o n c e a s e d t o b e a n a f f i l i a t e d p e r s o n/ i n t e r n a l p e r s o n | Lý do (khi phát sinh thay đ o i l i ê n q u a n đ ể n m u c 13 v à 14) R e a s o n s (w h e n a r i s i n g c h a n g e s r e l a t e d t o s e c t i o n s o f 13 a n d 14) | Ghi ch ú (v ề v i ệ c k h o n g c ó s ố G i á y N S H v à c á c g h i ch ú kh á c) N o t e s (i e. n o t i n p o s s e s s i o n o f a N S H N o. a n d o t h e r n o t e s) |
|--------------------|-------------------------------|-----------------------|---|---|--|---|--|--|------------------------------|--|---|--|---|---|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 1 | | Vũ Thị Roanh | | | Mẹ đẻ | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 2 | | Nguyễn Tiến Đạt | | | Anh ruột | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 3 | | Nguyễn Ngọc Thuý | | | Chị dâu | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 4 | | Nguyễn Tiến Tuấn | | | Anh ruột | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 5 | | Nguyễn Thị Bích | | | Chị ruột | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 6 | | Nguyễn Văn Thập | | | Anh rể | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 7 | | Nguyễn Tiến Tài | | | Anh ruột | CCCD | | | Cục CS BKQLCT & DLQG về DC | | | | | | | |
| 8 | | Đinh Phương Bích Ngọc | | | Chị dâu | CCCD | | | Cục CS BKQLCT & DLQG về DC | | | | | | | |
| 9 | | Nguyễn Thị Minh Tâm | | | Em ruột | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 10 | | Đặng Ngọc Đình Quang | | | Em rể | CCCD | | | Cục CS BKQLCT & DLQG về DC | | | | | | | |
| 11 | | Nguyễn Tiến Ký | | | Em ruột | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 12 | | Nguyễn Thị Mỹ Phương | | | Em dâu | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 13 | | Đặng Văn Phúc | | | Bố Vợ | CCCD | | | Cục CS BKQLCT & DLQG về DC | | | | | | | |
| 14 | | Nguyễn Văn Thị Hồng | | | Mẹ Vợ | CCCD | | | Cục CS QLHC về TTXH | | | | | | | |
| 15 | | Đặng Ngọc Quỳnh Anh | | | Vợ | CMND | | | CA TP. HCM | | | | | | | |

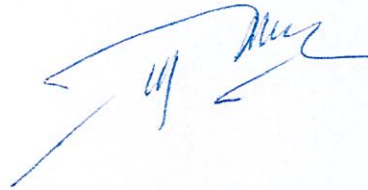
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Thành Tâm', written in a cursive style.

NGUYỄN THÀNH TÂM